

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình
không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định số 182/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 901/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn Trung ương qua kết quả rà soát hộ nghèo đa chiều hàng năm của tỉnh, đồng thời là một trong các đối tượng sau:

1. Đối với đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội

a) Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật;

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;

c) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo;

d) Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng;

2. Đối với đối tượng không thuộc diện bảo trợ xã hội

a) Người cao tuổi, người bị bệnh mất sức lao động phải điều trị trong thời gian dài thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; bệnh hiểm nghèo thuộc danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Nghị định số 182/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025);

b) Người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật trí tuệ, khuyết tật thần kinh, tâm thần dạng nhẹ, khuyết tật nghe, nhìn dạng nhẹ khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận có khả năng tự phục vụ sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng lao động dưới 61%.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ và phương thức thực hiện

1. Trong năm 2026

a) Đối với các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội quy định tại khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết này ngoài kinh phí ngân sách đã hỗ trợ, kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ thêm để các đối tượng được hưởng bằng mức: 2.010.000 đồng/người/tháng khu vực đô thị và 1.510.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn.

b) Đối với các đối tượng không thuộc diện bảo trợ xã hội quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này, ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đối tượng này được hưởng bằng mức: 2.010.000 đồng/người/tháng khu vực đô thị và 1.510.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn.

2. Giai đoạn 2027-2030 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030)

a) Đối với các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội quy định tại khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết này ngoài kinh phí ngân sách đã hỗ trợ, kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ thêm để các đối tượng được hưởng bằng mức: 2.810.000 đồng/người/tháng khu vực đô thị và 2.210.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn.

b) Đối với các đối tượng không thuộc diện bảo trợ xã hội quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này, ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đối tượng này được hưởng bằng mức: 2.810.000 đồng/người/tháng khu vực đô thị và 2.210.000 đồng/người/tháng khu vực nông thôn.

3. Phương thức thực hiện: hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, khi các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 10 (Kỳ họp chuyên đề năm 2026) thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2026. / *phong*

Nơi nhận: *Hun*

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, NN-MT;
- Cục KT văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ NN-MT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT (TĐ).

CHỦ TỊCH



Hun
Nguyễn Mạnh Hùng